

THE CURRENT ECONOMIC SECTORAL TRANSFORMATION IN VIETNAM TO SUPPORT INTEGRATION AND SUSTAINABLE DEVELOPMENT

Du Thi Ha

TNU - International School

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	30/11/2023	Economic restructuring is an ongoing and intrinsic process that is shaped by the principles of economic development. Vietnam, in its pursuit of becoming a modern economy, must adopt specific measures to effectively integrate into the global market while ensuring sustainable development. This article employs various research methodologies, including statistical analysis, synthesis, and evaluation, to present a comprehensive overview of the current state of sectoral economic restructuring in Vietnam, highlighting achievements and limitations. Drawing from the insights gained, this study offers actionable solutions to implement economic structural transformation that aligns with the demands of integration and sustainable development in present-day Vietnam. These proposed solutions are derived from a careful analysis of the existing situation and take into account the specific requirements of the country's economic landscape. Importantly, the research findings demonstrate that these proposed solutions are in line with the orientations and policies set forth by the Party and the State, underscoring their relevance and potential effectiveness.
Revised:	03/02/2024	
Published:	03/02/2024	
KEYWORDS		
Economic restructuring		
Vietnam's economy		
Integration		
Sustainable development		
Sectoral structuring		

CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU NGÀNH KINH TẾ ĐÁP ỨNG HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Dư Thị Hà

Khoa Quốc tế - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	30/11/2023	Chuyển đổi cơ cấu kinh tế là một quá trình diễn ra liên tục và nội tại, được định hình bởi các nguyên tắc phát triển kinh tế. Việt Nam, trên con đường trở thành nền kinh tế hiện đại, phải có những biện pháp cụ thể để hội nhập hiệu quả vào thị trường toàn cầu, đồng thời bảo đảm phát triển bền vững. Bài báo này sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau, bao gồm phân tích, tổng hợp và đánh giá thống kê, nhằm trình bày một cách tổng quan, toàn diện về thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở Việt Nam, nêu rõ những thành tựu và hạn chế. Từ những hiểu biết sâu sắc thu được, nghiên cứu này đưa ra các giải pháp khả thi nhằm thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế phù hợp với nhu cầu hội nhập và phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay. Các giải pháp đề xuất này xuất phát từ việc phân tích kỹ lưỡng thực trạng và tính đến các yêu cầu cụ thể của bối cảnh kinh tế đất nước. Quan trọng hơn là kết quả nghiên cứu cho thấy các giải pháp đề xuất này phù hợp với định hướng, chính sách của Đảng và Nhà nước đề ra, đồng thời nhấn mạnh tính phù hợp và hiệu quả tiềm năng của các giải pháp đó.
Ngày hoàn thiện:	03/02/2024	
Ngày đăng:	03/02/2024	
TỪ KHÓA		
Tái cơ cấu kinh tế		
Kinh tế Việt Nam		
Hội nhập		
Phát triển bền vững		
Tái cơ cấu theo ngành		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.9325>

Email: hadtis@tnu.edu.vn

1. Giới thiệu

Chuyển đổi cơ cấu kinh tế (CCKT) có vai trò vô cùng quan trọng trong phát triển kinh tế của một đất nước vì nó bảo đảm một tỷ lệ phân bổ nguồn lực vào các bộ phận của nền kinh tế, qua đó tạo ra mức sản lượng nhất định và quyết định tỷ lệ phân phối kết quả thích hợp cho các tác nhân trong nền kinh tế [1]. Cơ cấu kinh tế có nhiều loại, mỗi một loại cơ cấu phản ánh những nét đặc trưng của các bộ phận và các cách mà chúng quan hệ với nhau trong quá trình phát triển nền kinh tế [2].

Cơ cấu ngành của nền kinh tế là quan hệ tỷ lệ của tập hợp tất cả các ngành hình thành nên nền kinh tế và các mối quan hệ tương đối ổn định giữa chúng. Cơ cấu ngành là một chỉnh thể liên kết các ngành kinh tế theo một kiểu cấu trúc nhất định, tạo ra những thuộc tính mới, chất lượng mới của hệ thống mà những thuộc tính này không thể có ở từng bộ phận riêng rẽ hợp thành hệ thống; Là tổng thể những mối quan hệ về số lượng (số lượng ngành, tỷ trọng) và chất lượng giữa các ngành trong nền kinh tế [3]. Ở Việt Nam, đứng trước thực trạng đang bộc lộ nhiều điểm mất cân đối lớn trong FDI theo CCKT. Trong khi đó, các nhà đầu tư nước ngoài chỉ tập trung đầu tư vào các ngành có thể thu lợi nhuận cao trong thời gian ngắn [4]. Bên cạnh đó, quá trình chuyển dịch chậm chạp đã tạo ra một cơ cấu ngành có hiệu quả và năng lực cạnh tranh thấp [5]. Vậy nên, việc xác định cơ cấu ngành kinh tế đúng cho từng giai đoạn lịch sử là vấn đề chiến lược trong đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước [6] và việc chuyển dịch CCKT là một quá trình vận động tất yếu theo quy luật phát triển kinh tế [7], thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là điều kiện để thực hiện các mục tiêu phát triển [8].

Từ Đại hội XI, trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 cũng nêu rõ: “Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng; thúc đẩy cơ cấu lại doanh nghiệp và điều chỉnh chiến lược thị trường; tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế; phát triển kinh tế tri thức. Gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh” [9, tr.107].

Tới Đại hội XII, Đảng tiếp tục chủ trương: “Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại đồng bộ, tổng thể nền kinh tế và các ngành, các lĩnh vực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tập trung vào các lĩnh vực quan trọng...” [10, tr. 88-89].

Văn kiện Đại hội XIII tiếp tục đề cập đến nội dung trên, nhưng nhấn mạnh mô hình tăng trưởng mới cần tận dụng tốt cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, dựa trên tiến bộ khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Cụ thể là: “Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, chuyển mạnh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên tăng năng suất, tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhân lực chất lượng cao, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực để nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, phát triển các ngành, lĩnh vực, các doanh nghiệp trên nền tảng ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu của khoa học và công nghệ, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản phẩm công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu” [11, tr.120].

Do vậy, quán triệt chủ trương của Đảng qua các kỳ đại hội, việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong những năm qua đã được thực hiện đồng bộ, cụ thể:

Chuyển dịch CCKT theo ngành: thực trạng chuyển dịch CCKT theo ngành tại Việt Nam những năm gần đây được đánh giá có sự thay đổi rõ rệt. Điều đó được thể hiện ở sự sụt giảm tỷ trọng khu vực I, tăng tỷ trọng ở khu vực II, III. Cụ thể, ở khu vực I, tỷ trọng về ngành trồng trọt, chăn nuôi giảm, tăng ở ngành thủy sản. Ở khu vực II, tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến tăng lên mạnh mẽ, còn công nghiệp khai thác có xu hướng giảm nhẹ. Ở khu vực III, các lĩnh vực liên quan đến kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị có xu hướng tăng nhanh.

Chuyển dịch CCKT theo vùng: CCKT theo vùng ở Việt Nam cũng có sự thay đổi trong những năm gần đây. Thành phần kinh tế nhà nước có tỷ trọng suy giảm, tuy nhiên vẫn giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Ngược lại, thành phần kinh tế tư nhân lại có tỷ trọng ngày càng tăng mạnh. Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cũng tăng lên nhanh chóng kể từ khi Việt Nam gia nhập WTO.

Chuyển dịch CCKT theo lãnh thổ: Việt Nam hiện hình thành và hoạt động trên 3 vùng kinh tế trọng điểm: Vùng kinh tế trọng điểm miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Những năm gần đây, CCKT của 3 vùng lãnh thổ cũng có sự chuyển dịch đáng kể.

Cụ thể, nền nông nghiệp hình thành các vùng chuyên canh về cây công nghiệp thực phẩm. Còn công nghiệp cũng hình thành nên các khu công nghiệp và chế xuất lớn ở nhiều nơi. Riêng về ngành dịch vụ, hình thành rất nhiều trung tâm thương mại với mạng lưới rộng khắp trên cả nước. Và đặc biệt nhất là tỷ trọng của ngành công nghiệp, dịch vụ tăng lên mạnh mẽ, khẳng định sự bắt kịp xu hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bên cạnh đó, ngành nông nghiệp có sự giảm nhẹ.

Sự chuyển dịch CCKT nêu trên diễn ra chủ yếu do điều kiện tự nhiên của các vùng lãnh thổ khác nhau. Ngoài ra, còn do sự đầu tư của Nhà nước cũng như doanh nghiệp nước ngoài vào từng vùng lãnh thổ, tạo điều kiện cho sự phát triển của từng vùng không giống nhau.

Tuy nhiên, trong quá trình chuyển đổi CCKT cũng có nhiều yếu tố gây ảnh hưởng, chẳng hạn như:

Một là, các nhân tố địa lý - tự nhiên: khí hậu, đất đai, tài nguyên khoáng sản, nguồn nước, nguồn năng lượng. Đây là nguồn tư liệu sản xuất và tiêu dùng có ảnh hưởng rõ rệt đến sự hình thành CCKT. Trong đó, Việt Nam là quốc gia có vị trí địa lý chính trị - kinh tế đặc biệt với nhiều tiềm năng phát triển du lịch, thích hợp để thúc đẩy chuyển dịch CCKT.

Hai là, nhân tố bên trong: quan hệ sản xuất, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, cung - cầu thị trường, trình độ phát triển của nền kinh tế. Hiện nay, Việt Nam đang được các quốc gia trên thế giới đánh giá có nguồn nhân lực tốt, thích hợp.

Ba là, nhân tố bên ngoài: quan hệ kinh tế đối ngoại và phân công lao động quốc tế. Với những thế mạnh của Việt Nam, các tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia và các tổ chức quốc tế lựa chọn đưa vào danh sách đối tác quan trọng khi cân nhắc các quyết định đầu tư.

Từ những cơ sở trên, bài báo nghiên cứu việc chuyển đổi CCKT ngành ở Việt Nam những năm qua, chỉ ra thành tựu, hạn chế, thách thức từ đó đưa ra hướng giải pháp để chuyển đổi ngành kinh tế theo hướng hội nhập và phát triển bền vững (PTBV) trong giai đoạn mới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên những số liệu của Tổng cục Thống kê, bài viết sử dụng phương pháp thống kê mô tả để phân tích thành tựu, hạn chế, bên cạnh đó bài viết cũng sử dụng phương pháp tổng hợp, đánh giá để đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển bền vững đến năm 2030.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Kết quả thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế ngành ở Việt Nam

3.1.1. Thành tựu

Trong GDP, tỷ trọng nhóm ngành Nông, Lâm nghiệp và thủy sản có xu hướng giảm bình quân 0,73%, năm 1986 là 38,6%, năm 2000 là 24,53%, năm 2022 còn 11,8%, trong khi đó, nhóm ngành Công nghiệp lại tăng mạnh, khoảng 0,26%/năm, từ 28,88% năm 1986 đã tăng lên 38,6% năm 2022; riêng Dịch vụ cũng tăng trung bình 0,23%/năm, từ 33,06% năm 1986 tăng lên 41,33% vào năm 2022 [12].

Bên cạnh việc chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế thì cơ cấu phân công lao động theo ngành kinh tế cũng có xu hướng chuyển đổi. Nhóm ngành Nông - Lâm - Thủy có cơ cấu lao động giảm và nhóm ngành Công nghiệp, Dịch vụ có xu hướng tăng lên. Điều đó chứng tỏ rằng, lao động đã có sự chuyển dịch từ khu vực có năng suất lao động thấp sang các khu vực có năng suất lao động cao hơn góp phần tăng năng suất ngành kinh tế.

Mặt khác, cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu cũng có sự chuyển dịch theo hướng phát triển, kim ngạch xuất khẩu ngành công nghiệp tăng mạnh từ 82,1% năm 2015 lên 89,6% năm 2022. Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu Nông - Lâm - Thủy sản giảm chỉ còn 9,2% năm 2022 [12].

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những thành tựu đạt được, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam trong thời gian qua còn nhiều hạn chế, bất cập:

Một là, cơ cấu GDP phân theo nhóm ngành kinh tế ở Việt Nam trong thời gian qua chuyển dịch theo hướng tiến bộ còn chậm.

Hai là, lao động ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản còn chiếm tỷ trọng cao (27,54% năm 2022) trong tổng lao động xã hội. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo còn thấp.

3.2. Một số thách thức đối với việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở Việt Nam trong quá trình hội nhập và phát triển bền vững

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở Việt Nam ngoài những cơ hội còn phải đối mặt với một vài thách thức như: Chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế có nơi, có lúc chưa được quán triệt kịp thời, đầy đủ và thực hiện nghiêm túc. Hội nhập kinh tế quốc tế còn bị tác động bởi cách tiếp cận phiến diện, ngắn hạn và cục bộ; do đó, chưa tận dụng được hết các cơ hội và ứng phó hữu hiệu với các thách thức.

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và quá trình đổi mới ở trong nước, nhất là đổi mới, hoàn thiện thể chế, trước hết là hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa được thực hiện một cách đồng bộ, chưa gắn kết chặt chẽ với quá trình nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, môi trường sinh thái, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Bên cạnh đó, hội nhập kinh tế quốc tế chưa được phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với hội nhập trong các lĩnh vực khác. Chưa tạo được sự đan xen chặt chẽ lợi ích chiến lược, lâu dài với các đối tác, nhất là các đối tác quan trọng. Việc ứng phó với những biến động và xử lý những tác động từ môi trường khu vực và quốc tế còn bị động, lúng túng và chưa đồng bộ.

Thu hút đầu tư nước ngoài chưa tạo ra sự liên doanh liên kết, tác động lan tỏa giúp doanh nghiệp trong nước phát triển. Hiệu quả đầu tư chưa đạt như kỳ vọng. Việc thu hút các dự án đầu tư nước ngoài tuy gia tăng về số lượng nhưng chất lượng chưa đảm bảo, công nghệ chưa tốt. Vẫn còn một số dự án đầu tư tác động tiêu cực đến môi trường, sinh thái,...

Mặt khác, năng suất lao động của Việt Nam thời gian qua có sự cải thiện đáng kể theo hướng tăng đều qua các năm. Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ tăng năng suất lao động cao trong ASEAN nhưng vẫn thấp so với nhiều nước trong khu vực. Đáng chú ý là chênh lệch về năng suất lao động giữa Việt Nam với các nước khác vẫn tiếp tục gia tăng.

Đồng thời, sức cạnh tranh của nền kinh tế, các doanh nghiệp và các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ trong nước còn yếu so với các nước, kể cả các nước trong khu vực. Các ngành kinh tế, các doanh nghiệp mang tính mũi nhọn, có khả năng vươn ra thị trường khu vực và thế giới chưa nhiều, chưa có khả năng đi đầu và kéo các ngành, các doanh nghiệp khác cùng phát triển, khả năng hội nhập kinh tế quốc tế còn nhiều hạn chế. Vấn đề phát triển thị trường khoa học công nghệ còn khó khăn, việc áp dụng khoa học - kỹ thuật trong nhiều ngành nghề vẫn còn hạn chế. Công tác quản lý, điều hành của Nhà nước và quản trị của doanh nghiệp tuy đã có sự cải thiện, nhưng chưa hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới. Cơ chế chính sách thiếu đồng bộ giữa các bộ, ngành về nguồn lực, chính sách thuế, chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ và cơ sở hạ tầng. Thị trường công nghệ chưa được hình thành bền vững, doanh nghiệp nhà nước chưa quan tâm nhiều đến đổi mới công nghệ, chưa quan tâm đến các dự án theo chiều sâu. Doanh nghiệp tư nhân còn khó khăn hơn do thiếu vốn, thiếu công nghệ,...

Ngoài ra, đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng bị thiên tai còn nhiều khó khăn, thách thức. Hiện vẫn còn những biểu hiện tiêu cực, suy thoái đạo đức lối sống gây bức xúc, nhất là tình trạng xâm hại trẻ em, phụ nữ, bạo lực gia đình,... Tham nhũng vẫn đang là vấn đề nhức nhối trong xã hội. Đặc biệt, có nhiều thế lực phản động, chống phá cách mạng luôn tìm cách tuyên truyền, vận động người dân chống lại chính quyền.

3.3. Giải pháp thực hiện chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế đáp ứng hội nhập và phát triển bền vững

Nhằm đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế để đối mặt với những thách thức, đón đầu cơ hội để đáp ứng hội nhập và phát triển bền vững, Việt Nam cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

Một là, tích cực rà soát, điều chỉnh và bổ sung kịp thời các bản quy hoạch; đổi mới và hoàn thiện chính sách tài chính, tiền tệ nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng phát triển bền vững

Theo đó, các cơ quan làm công tác quy hoạch cho các cấp, các ngành, các vùng cần phải rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với bối cảnh, tình hình mới. Tổ chức thực hiện quy hoạch phải nghiêm ngặt. Nhà nước cần có chính sách tài chính, tín dụng ưu đãi đối với các ngành, các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh được khuyến khích phát triển như ngành khai thác hải sản xa bờ, hình thức kinh tế trang trại, hợp tác xã, cánh đồng lớn, liên kết theo chuỗi giá trị, liên kết bốn nhà trong nhóm ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, các ngành công nghiệp sử dụng kỹ thuật - công nghệ cao, các ngành công nghiệp hỗ trợ; các ngành dịch vụ cao cấp như vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc; tài chính và ngân hàng; giáo dục và đào tạo... nhằm từng bước nâng cấp cơ cấu ngành kinh tế theo định hướng mà Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng năm 2021 đã đề ra.

Hai là, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động phân theo nhóm ngành kinh tế theo hướng tiến bộ; mở rộng quy mô đào tạo; điều chỉnh cơ cấu về trình độ và ngành nghề đào tạo; nâng cao chất lượng đào tạo phục vụ chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

Trong giai đoạn mới, cần tăng nhanh tỷ trọng lao động nhóm ngành phi nông nghiệp, trái lại giảm nhanh tỷ trọng lao động nhóm ngành nông nghiệp trong tổng lao động xã hội; Mở rộng quy mô đào tạo, cần tăng cường đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa và hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo. Điều chỉnh cơ cấu về trình độ và ngành nghề đào tạo theo hướng phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, trong đó cần phải căn cứ vào nhu cầu về mỗi loại lao động để thực hiện các giải pháp đào tạo nhằm cung cấp nguồn lao động phù hợp với nhu cầu của thị trường sức lao động.

Bên cạnh đó, nâng cao chất lượng đào tạo bằng cách tiến hành đổi mới nội dung giáo dục - đào tạo, phương pháp giáo dục - đào tạo và cơ chế quản lý giáo dục. Các cơ quan, tổ chức sử dụng lao động cần bố trí công việc, có chế độ đãi ngộ phù hợp với khả năng lao động của từng người và tạo lập một môi trường lao động lành mạnh nhằm kích thích tính tích cực của người lao động, thúc đẩy sản xuất phát triển.

Ba là, hình thành các vùng kinh tế dựa trên tiềm năng, lợi thế của vùng, gắn với nhu cầu của thị trường

Chuyển dịch CCKT theo hướng PTBV là quá trình chuyển biến căn bản về phân công lao động xã hội theo lãnh thổ. Theo đó, xoá bỏ tình trạng chia cắt về thị trường giữa các vùng; xoá bỏ tình trạng tự cung tự cấp, đặc biệt là tự cung, tự cấp về lương thực của từng vùng, từng địa phương. Mỗi địa phương cần đặt mình trong một thị trường thống nhất, không chỉ là thị trường cả nước mà còn là thị trường quốc tế, trên cơ sở đó xác định những khả năng, thế mạnh của mình để tập trung phát triển, tham gia vào quá trình phân công và hợp tác lao động có hiệu quả.

Bốn là, phát triển khoa học - công nghệ

Cần tích cực phải nâng cao năng lực nội sinh của nền khoa học công nghệ của Việt Nam, bao gồm nâng cao tiềm lực khoa học - công nghệ nội sinh của doanh nghiệp và cơ quan nghiên cứu khoa học - công nghệ. Gia tăng các nguồn vốn đầu tư cho phát triển khoa học - công nghệ từ nhiều phía như từ phía Nhà nước, doanh nghiệp và từ các nguồn khác. Hoàn chỉnh hệ thống chính sách bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm quyền sở hữu công nghiệp và quyền tác giả và thực hiện nghiêm túc các chính sách này. Bên cạnh đó, cần phải có chế độ đãi ngộ tương xứng và môi trường làm việc phấn khởi nhằm khuyến khích sự cống hiến tối đa của đội ngũ những người hoạt động khoa học - công nghệ.

Năm là, chuyển đổi cơ cấu kinh tế hướng tới phát triển bền vững cần thiết phải bảo vệ môi trường

Chuyển dịch CCKT không chỉ vì mục tiêu tăng trưởng kinh tế mà phải vì mục tiêu PTBV, trong đó có một cấu thành bộ phận rất quan trọng và không thể thiếu là bảo vệ môi trường. Từ đó cho thấy, các nhà lãnh đạo, nhà quản lý cho đến các doanh nghiệp, các địa phương, cơ sở cần phải hết sức chú ý thực hiện tốt vấn đề này, tránh tình trạng vì lợi nhuận kinh tế trước mắt dẫn

đến phá huỷ nghiêm trọng môi trường sinh thái tự nhiên như vừa qua và hiện nay công luận vẫn đang tiếp tục lên án về không ít các trường hợp doanh nghiệp đã vi phạm nghiêm trọng pháp luật bảo vệ môi trường.

Những giải pháp trên không chỉ ra phải ưu tiên phát triển ngành, lĩnh vực nào mà tập trung vào việc tạo những nền tảng căn bản và môi trường thuận lợi để chuyển dịch cơ cấu ngành theo chiều sâu có thể diễn ra phù hợp với quy luật kinh tế thị trường. Trong nền kinh tế toàn cầu mà kinh tế Việt Nam là một bộ phận gắn bó hữu cơ, chính những nền tảng căn bản về nguồn nhân lực, về kết cấu hạ tầng, về thể chế, về thông tin, về hội nhập kinh tế quốc tế và môi trường kinh doanh thuận lợi sẽ giúp tăng tốc chuyển dịch cơ cấu ngành theo chiều sâu và bền vững.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu chỉ ra thành tựu và cả hạn chế của quá trình chuyển đổi CCKT theo ngành ở Việt Nam. Thách thức đặt ra cho việc chuyển đổi CCKT trong thời gian tới chính là: Chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế có nơi, có lúc chưa được quán triệt kịp thời, đầy đủ và thực hiện nghiêm túc. Hội nhập kinh tế quốc tế còn bị tác động bởi cách tiếp cận phiến diện, ngắn hạn và cục bộ; do đó, chưa tận dụng được hết các cơ hội và ứng phó hữu hiệu với các thách thức. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo còn thấp. Việc thu hút đầu tư nước ngoài chưa tạo ra sự liên doanh liên kết, tác động lan tỏa giúp doanh nghiệp trong nước phát triển. Tốc độ tăng năng suất lao động ở Việt Nam còn thấp so với khu vực, sức cạnh tranh của nền kinh tế, các doanh nghiệp và các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ trong nước còn yếu so với các nước, kể cả các nước trong khu vực. Và để thực hiện thành công việc chuyển đổi CCKT theo ngành hướng tới PTBV thì Việt Nam cần sự vào cuộc của các ban ngành, hệ thống chính trị - xã hội cũng như cần thực hiện đồng bộ các giải pháp đề ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] T. T. T. Ninh, "Economic Structural Transformation in Vietnam during the Industrialization-Modernization Period," *Journal of Science and Technology, Danang University*, vol. 11, no. 72, pp. 79-84, 2013.
- [2] T. T. H. Doan and T. N. H. Nguyen, *Economic and Social Policy Textbook*. Science and Technology Publishing House, Hanoi, 2007.
- [3] T. K. Pham, *Economic Structural Transformation towards Sustainable Development in Vietnam*. National Political Publishing House, Hanoi, 2010.
- [4] T. L. Nguyen, "Foreign Direct Investment and Vietnam's Economic Structural Transformation: Current Situation and Issues," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 70, no. 08, pp. 3-13, 2010.
- [5] T. C. V. Nguyen, "Models for Analyzing Economic Structural Transformation in the Process of Industrialization and Modernization of the Country," PhD Thesis, National Economics University, 2015.
- [6] N. L. Dao, "Economic Sector Structure: Objectives, Progress, and Warning," *Communist Journal*, no. 16, pp. 57-61, 2005.
- [7] N. H. Bui, K. L. Pham, N. V. Huynh, and L. N. N. Bui, "Economic Structural Transformation in Vietnam: Status and Policy Implications," *FTU Working Paper Series*, vol. 1, no. 2, pp. 82-88, June 2021.
- [8] T. T. Bui, "Economic Sector Structural Transformation in Vietnam: Issues Raised," *Economic and Forecast Journal*, no. 2, pp. 30-32, 2005.
- [9] Communist Party of Vietnam, *Documents of the 11th National Party Congress*. National Political Publishing House, Hanoi, 2011.
- [10] Communist Party of Vietnam, *Documents of the 12th National Party Congress*. Central Party Office, Hanoi, 2016.
- [11] Communist Party of Vietnam, *Documents of the 13th National Party Congress*, vol. I, National Political Publishing House, Hanoi, 2021.
- [12] General Statistics Office, "Statistical Data". [Online]. Available: <https://www.gso.gov.vn/px-web-2/?Pxid=V0302&theme=T%C3%A0i%20liệu%20thống%20kê>. [Accessed Oct. 20, 2023].